

TÁC ĐỘNG CỦA HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ QUY MÔ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Bích Ngọc

Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: bichngoctqt@neu.edu.vn

Mã bài: JED-1753

Ngày nhận bài: 01/05/2024

Ngày nhận bài sửa: 23/07/2024

Ngày duyệt đăng: 07/08/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1753

Tóm tắt

Hạ tầng chất lượng là hệ thống giám sát quốc gia nhằm đảm bảo chất lượng hàng hoá được quốc tế công nhận. Đây là cơ sở cần thiết để hàng hoá xuất khẩu tiếp cận thị trường và mở rộng quy mô. Bài nghiên cứu nhằm nghiên cứu tác động của hạ tầng chất lượng đến khả năng tham gia thị trường và quy mô xuất khẩu Việt Nam. Nghiên cứu cũng đánh giá tác động khác biệt của hạ tầng chất lượng đến xuất khẩu theo ngành. Kết quả cho thấy hạ tầng chất lượng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thị trường và mở rộng quy mô xuất khẩu. Các nhân tố như đo lường, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận tác động tích cực, nhưng tiêu chuẩn quốc tế là cản trở lớn nhất đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Từ khoá: Hạ tầng chất lượng, xuất khẩu, Việt Nam.

Mã JEL: F13

The impacts of quality infrastructure on market access and volume of Vietnam's trade Abstract

Quality infrastructure is the national system that controls product quality and is recognized internationally. The infrastructure is necessary for market access and scale-up in the international market. The paper explores the impacts of quality infrastructure on the probability of market access and the volume of Vietnamese exports. The results also indicate the differentiated effects of quality infrastructure across sectors. The components of quality infrastructure, such as metrology, conformity, and accreditation, have a positive impact, but standards are the most significant obstacle to exports.

Keywords: Export, Quality infrastructure, Vietnam.

JEL Code: F13

1. Giới thiệu

Hạ tầng chất lượng (quality infrastructure) gồm các chính sách, khung pháp lý, các tiêu chuẩn quy định và giám sát quốc gia nhằm đảm bảo hàng hoá được sản xuất đạt mức chất lượng được quốc tế công nhận. Đây là cơ sở hạ tầng cần thiết để hàng hoá xuất khẩu đáp ứng được các tiêu chuẩn sản phẩm quốc tế và các quy trình quốc tế, do đó dễ dàng tiếp cận thị trường nước ngoài và mở rộng khối lượng giao dịch tại các thị trường nước ngoài. Cơ sở hạ tầng chất lượng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy thương mại quốc tế và thúc đẩy thị trường trong nước hoạt động hiệu quả hơn bằng việc nâng cao tiêu chuẩn chất lượng liên quan đến sức khoẻ người tiêu dùng và thực hiện giám sát quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong nước.

Hệ thống hạ tầng chất lượng có thể dẫn đến các tác động tiêu cực cho hoạt động thương mại như gia tăng tỷ lệ từ chối lô hàng tại kiểm soát biên giới; gia tăng chi phí và thời gian do trì hoãn quy trình đánh giá mức độ phù hợp giữa các chứng nhận hay tiêu chuẩn; gia tăng chi phí kiểm tra kiểm định mẫu sản phẩm; gia tăng rủi ro cho các vấn đề sức khỏe cộng đồng do thiếu khả năng dự báo kiểm soát rủi ro. Mặt khác, cải thiện hạ tầng chất lượng cũng có thể tạo thuận lợi thương mại khi doanh nghiệp có khả năng tuân thủ tốt các tiêu chuẩn quốc tế và các hoạt động giám sát chất lượng như đo lường, kiểm định tính phù hợp sản phẩm và được chứng nhận quốc tế.

Tại các nước đang phát triển, hạ tầng chất lượng còn nhiều hạn chế dẫn đến khó khăn trong việc gia nhập thị trường quốc tế, cụ thể như: i) thiếu mức độ hài hoà giữ các tiêu chuẩn hoặc chứng nhận quốc gia với các tiêu chuẩn hoặc chứng nhận quốc tế; ii) thiếu năng lực trong việc tiêu chuẩn hoá các quy trình thực hành sản xuất đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế; iii) hệ thống chứng nhận và kiểm định thiếu minh bạch; iv) môi trường kinh doanh thương mại còn chông chéo và phức tạp, chưa đáp ứng được các yêu cầu theo cam kết quốc tế. Tại Việt Nam, tỷ lệ hàng xuất khẩu nông sản Việt Nam bị từ chối khá cao tại các thị trường chiến lược như Hoa Kỳ (42%), Nhật Bản (16%), EU28 (14%), Trung Quốc (18%) (UNIDO, 2023). Nguyên nhân chính là do gia tăng chi phí tuân thủ kiểm tra và chứng nhận quốc tế, cũng như năng lực đáp ứng đáp ứng tiêu chuẩn quy định kỹ thuật còn yếu. Hơn nữa, hạ tầng chất lượng thường tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc doanh nghiệp tại các nước đang phát triển (Kellermann & Keller, 2015).

Hơn nữa, một số thị trường chủ ý tạo ra sự khác biệt về các tiêu chuẩn quy định trong nước hoặc làm chậm tiến trình hài hoà hoá các tiêu chuẩn, kéo dài thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hoá nhằm tạo rào cản thương mại đối với doanh nghiệp nước ngoài tham gia thị trường, cũng như mở rộng quy mô. Vì vậy, nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của hạ tầng chất lượng đến việc khả năng tiếp cận thị trường và quy mô xuất khẩu của Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp kiểm định Heckman hai bước với dữ liệu thương mại cấp độ sản phẩm (HS 6 số) nhằm đo lường tác động tiếp cận thị trường và tác động mở rộng thương mại, cũng như tác động khác biệt của hạ tầng chất lượng đến hoạt động xuất khẩu theo từng nhóm ngành. Nghiên cứu có kết cấu 5 phần: 1) Giới thiệu; 2) Tổng quan nghiên cứu; 3) Phương pháp nghiên cứu; 4) Kết quả nghiên cứu; 5) Kiến nghị.

2. Tổng quan nghiên cứu về cơ sở hạ tầng chất lượng

Cơ sở hạ tầng chất lượng thường ít được đề cập đến hoặc nhầm lẫn khái niệm với chất lượng của cơ sở hạ tầng vật chất (như hệ thống giao thông, hạ tầng cung cấp điện, năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông). Theo khái niệm của UNIDO (2022), cơ sở hạ tầng chất lượng là hệ thống đánh giá đo lường chất lượng bao gồm các chính sách, các tiêu chuẩn, quy định và giám sát quốc gia nhằm đảm bảo hàng hoá được sản xuất đạt mức chất lượng được quốc tế công nhận. Cơ sở hạ tầng chất lượng góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp, cạnh tranh thương mại trên thị trường thế giới, sử dụng nguồn lực hiệu quả, kiểm soát an toàn thực phẩm, y tế, môi trường và biến đổi khí hậu. Do đó, các tiêu chuẩn quốc tế, quy trình đánh giá sự phù hợp, đo lường, chứng nhận là những thành tố quan trọng của hạ tầng chất lượng.

Các nghiên cứu trong lĩnh vực này thường tập trung đánh giá vai trò của các tiêu chuẩn quốc tế, hay sự hài hoà giữa tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn quốc gia. Trong đó, các nghiên cứu về tiêu chuẩn quốc tế đã chỉ ra đồng thời cả tác động tích cực và tiêu cực đến hoạt động thương mại quốc tế. Về tác động thúc đẩy thương mại, nghiên cứu của Moenius (2004) đã nêu các tiêu chuẩn chung giữa các quốc gia tác động tích cực đến thương mại. Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn riêng của từng quốc gia cũng có thể thúc đẩy thương mại. Dựa trên những phát hiện này, ông cho rằng các tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng của quốc gia, sẽ giảm chi phí thu thập thông tin và cho phép ký kết hợp đồng dễ dàng hơn. Nghiên cứu thực nghiệm của Chen & cộng sự (2008) và Swann (2010) cũng cố thêm kết luận này khi cho rằng các nước xuất khẩu áp dụng tiêu chuẩn quốc tế đều có tác động tích cực (hoặc ít nhất là trung lập) đến quy mô xuất khẩu. Nghiên cứu Beghin & cộng sự (2015) còn chỉ ra tác động của tiêu chuẩn đến các phân ngành cụ thể như thị trường hàng hoá thực phẩm. Các tiêu chuẩn chất lượng giúp giảm chi phí giao dịch trong chuỗi giá trị do giảm sự bất cân xứng thông tin giữa người mua và nhà cung cấp về chất lượng, an toàn và các đặc tính khác của sản phẩm. Nghiên cứu gần đây của Schmidt & Steingress (2022) đóng góp vào lý thuyết về hạ tầng chất lượng bằng cách đo lường tác động của mức độ hài hoà tiêu chuẩn quốc tế đối với tăng trưởng thương mại. Kết quả cho thấy, với 40% tiêu

chuẩn hài hoà sẽ đóng góp trung bình cho tăng trưởng thương mại quốc tế 13%. Một số nghiên cứu mở rộng thêm các thành tố liên quan đến hạ tầng chất lượng như: tác động của thoả thuận công nhận lẫn nhau và hệ thống kiểm định (Blind & cộng sự, 2018); hệ thống đo lường (Zhang & cộng sự, 2024). Kết luận chung đều chỉ ra sự cải thiện trong quá trình tiêu chuẩn hoá, đo lường, thoả thuận công nhận lẫn nhau giúp thúc đẩy hoạt động thương mại theo quy mô.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn quốc tế cũng đóng vai trò như hàng rào kiểm định chất lượng của hàng hoá xuất nhập khẩu. Điển hình, nghiên cứu của Anders & Caswell (2009) cho rằng các tiêu chuẩn quốc tế sẽ trở thành rào cản thương mại đối với các nước đang phát triển nhưng là chất xúc tác thúc đẩy thương mại đối với các nước phát triển. Nghiên cứu của Kiefer & cộng sự (2019) và García-Quevedo & cộng sự (2020) cũng ủng hộ rằng tiêu chuẩn và chứng nhận là rào cản đối với các doanh nghiệp do chi phí tuân thủ cao. Hơn nữa, các loại tiêu chuẩn quốc tế khác nhau cũng sẽ tác động khác nhau đến quyết định xuất khẩu hay khả năng gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Tuy nhiên, ngay cả khi các quốc gia đang sử dụng cùng một tiêu chuẩn quốc tế, họ vẫn có thể gặp cản trở trong việc tiếp cận thị trường do sự khác biệt trong quy trình đánh giá sự phù hợp (Yadav, 2024). Một số nghiên cứu theo ngành như Kareem & Martínez-Zarzoso (2020) đánh giá tác động của tiêu chuẩn thực phẩm của Liên minh Châu Âu đối với xuất khẩu cá của Châu Phi bằng việc xem xét mức độ hạn chế của tiêu chuẩn EU so với tiêu chuẩn quốc tế (thuộc Ủy ban Codex). Kết quả cho thấy, tiêu chuẩn của EU không gây cản trở đến thương mại so với tiêu chuẩn quốc tế của Codex. Tuy nhiên, việc EU liên tục từ chối lô hàng cá xuất khẩu từ Châu Phi do không tuân thủ các tiêu chuẩn của EU là dấu hiệu của hạ tầng chất lượng yếu kém thiếu kiểm soát nghiêm ngặt an toàn thực phẩm tại các nước Châu Phi. Hơn nữa, các tiêu chuẩn trong nước không đầy đủ, thiếu tính khoa học và công nghệ để chứng minh sự tuân thủ tiêu chuẩn từ nước nhập khẩu (EU). Như vậy, tác động cản trở thương mại xuất phát từ hai phía nước xuất khẩu và nước nhập khẩu. Cụ thể, việc không tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế có thể do chi phí đáp ứng của các tiêu chuẩn, sự thiếu hài hoà giữa các tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu, đồng thời, do quá trình đánh giá sự phù hợp hoặc đo lường yếu kém từ phía nước xuất khẩu.

Từ góc độ nước đang phát triển, nghiên cứu của (Aswal, 2020) đã xem xét hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia của Ấn Độ và so sánh nó với hệ thống của Hoa Kỳ. Ông cho rằng mặc dù ba trụ cột chính của hạ tầng chất lượng: đo lường, công nhận và tiêu chuẩn hóa – đã được thực hiện tốt ở Ấn Độ nhưng chúng cần được tăng cường để thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế Ấn Độ. Aswal (2020) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của hạ tầng chất lượng đối với sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ (Aswal, 2020). Đồng thời, các dịch vụ đánh giá sự phù hợp và mức độ hài hòa tiêu chuẩn quốc tế là rất cần thiết để tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu. Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam (Nguyen & Jolly, 2020) đã xem xét việc tuân thủ tiêu chuẩn VietGap và các tiêu chuẩn quốc tế khác đến chuỗi giá trị cá tra xuất khẩu và cơ cấu ngành. Phát hiện cho thấy khi các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và bền vững tăng lên ở các thị trường Hoa Kỳ và EU, xuất khẩu cá tra Việt Nam sang các thị trường này giảm và các nhà xuất khẩu Việt Nam thường tìm kiếm các thị trường thay thế khác với yêu cầu chất lượng ít nghiêm ngặt hơn. Thông qua phỏng vấn điều tra, nông dân có ấn tượng rằng chi phí áp dụng VietGAP lớn hơn lợi ích (Nguyen & Jolly, 2020).

Ban đầu, lập luận trên có thể thấy việc áp dụng các tiêu chuẩn này đang gây ức chế thương mại vì nó ngăn cản các nhà xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU. Tuy nhiên, khi phân tích dữ liệu, tác giả đã chỉ ra sản xuất và xuất khẩu không giảm khi áp dụng các tiêu chuẩn mà tăng theo thời gian. Ngoài ra, các doanh nghiệp chế biến bắt đầu hội nhập nhiều hơn với nhà sản xuất, trong đó họ thành lập trang trại riêng để cung cấp đầu vào hoặc phát triển quan hệ đối tác trực tiếp với nhà sản xuất, từ đó khiến vai trò của người thu gom trở nên dư thừa (Nguyen & Jolly, 2020). Hơn nữa, những nông dân không áp dụng VietGAP cho rằng việc thiếu cơ sở hạ tầng và chi phí cao là những hạn chế chính của họ và phần lớn cho biết họ sẵn sàng áp dụng các tiêu chuẩn nếu được hỗ trợ. Tiếp cận tổng quát hơn, nghiên cứu của Demissie & cộng sự (2021) đã phân tích năng lực hạ tầng chất lượng của Ethiopia để đáp ứng chuỗi giá trị cà phê. Trong đó, các dịch vụ kiểm định, đo lường và đánh giá sự phù hợp có liên kết đến khâu sản xuất và xử lý sơ cấp thuộc chuỗi giá trị. Quốc gia này thiếu hạ tầng chất lượng để đáp ứng chuỗi giá trị, cũng như thiếu nhận thức của các bên liên quan, dẫn đến tác động tiêu cực đến chất lượng cà phê và các thiệt hại tài chính đáng kể.

Như vậy, các nghiên cứu đánh giá tổng thể hạ tầng chất lượng quốc gia, cũng như các thành tố cơ bản thuộc hạ tầng chất lượng đến hoạt động thương mại quốc tế còn rất hạn chế. Trong khi, các quốc gia phát

triển thường có xu hướng gia tăng kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu bằng hệ thống quy định tiêu chuẩn quốc tế. Vấn đề đặt ra là đa số các tiêu chuẩn quốc tế thường khó đáp ứng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu từ các thị trường đang và kém phát triển. Bên cạnh đó, hệ thống đo lường và giám sát chất lượng của các quốc gia rất khác nhau, dẫn đến cùng một tiêu chuẩn không được công nhận giữa các thị trường gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu. Vì vậy, nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của hạ tầng chất lượng đến khả năng tiếp cận thị trường và khả năng gia tăng quy mô của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Kết quả nghiên cứu là gợi ý quan trọng cho nhà hoạch định chính sách trong việc phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng chất lượng nhằm hướng đến nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy thương mại công bằng giữa các thị trường trên thế giới.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Khung lý thuyết

Nghiên cứu lý thuyết thương mại mới của Chaney (2008) và Melitz (2003) dựa trên giả định về sự khác biệt giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành. Trong đó, các doanh nghiệp phải trả các chi phí biến đổi từ việc đáp ứng các rào cản thuế quan, phi thuế quan hoặc các rào cản khác trong thương mại theo từng thị trường. Do đó, những rào cản này tạo ra hai tác động khác nhau. Thứ nhất là khả năng gia nhập thị trường (extensive margin) và khả năng mở rộng quy mô thương mại (intensive margin). Ngoài ra, nghiên cứu phát triển từ lý thuyết của Disdier & Marette (2010) về tác động của các biện pháp phi thuế quan, trong đó hạ tầng chất lượng quốc gia là hệ thống thực thi cơ bản các biện pháp phi thuế quan. Từ tổng quan nghiên cứu cho thấy, việc từ chối nhập khẩu (phản ánh khả năng gia nhập thị trường) có thể chịu tác động từ năng lực hạ tầng chất lượng.

Vì vậy, nghiên cứu nhằm đo lường tác động của hạ tầng chất lượng gồm các tiêu chuẩn quốc tế, đo lường, đánh giá sự phù hợp và chứng nhận đến khả năng gia nhập thị trường và mở rộng quy mô xuất khẩu. Do đó, nghiên cứu này đưa chỉ số tổng hợp cơ sở hạ tầng chất lượng, cũng như 4 chỉ số phụ cấu thành vào mô hình trọng lực hấp dẫn. Với trường hợp Việt Nam, nghiên cứu đưa vào mô hình biến số đại diện cho việc tham gia các hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương nhằm thể hiện độ mở trong chính sách thương mại của Việt Nam. Một số đặc điểm của cặp quốc gia như quy mô kinh tế, khoảng cách và các biến kiểm soát bất định khác được tính đến trong mô hình.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực hấp dẫn bằng phương pháp kiểm định Heckman hai bước. Đặc điểm trong dữ liệu thương mại ở cấp độ sản phẩm (HS 6 số) là tần suất xuất hiện giá trị 0 lớn. Do đó, ước lượng bằng phương pháp Heckman có thể giải thích tần suất giá trị 0 trong thương mại song phương giữa cặp quốc gia và phản ánh quyết định xuất khẩu hay khả năng tham gia thị trường có hay không. Hơn nữa, các tiêu chuẩn chất lượng thường khác biệt theo từng sản phẩm do đó nghiên cứu trên dữ liệu phân ngành là phù hợp. Trong bước đầu của ước lượng, Heckman đề xuất phương trình probit (hay selection equation) để quan sát sự hiện diện của giá trị 0 trong thương mại. Kết quả từ bước 1 được tích lũy tỉ lệ nghịch đảo của tham số Mills (λ) từ đó ước tính bước hai bằng cách sử dụng hồi quy OLS nhằm ước tính tác động đối với lợi ích tiếp nối hay khả năng mở rộng quy mô sau khi gia nhập thị trường.

Tác động tổng thể:

$$Z_{ijk} = \beta_0 + \beta_1 \ln qisd_j + \beta_2 \ln dist_{ij} + \beta_3 rta_{ij} + \beta_4 contig_{ij} + \beta_5 comcol_{ij} + \varepsilon \quad (1)$$

Phương trình kết quả:

$$\ln(\text{ex} | Z_{ijk} = 1) = \beta_0 + \beta_1 \ln qisd_j + \beta_2 \ln dist_{ij} + \beta_3 rta_{ij} + \gamma_{ij} + \varepsilon \quad (2)$$

Tác động theo các thành tố thuộc cơ sở hạ tầng chất lượng:

Phương trình lựa chọn:

$$Z_{ijk} = \beta_0 + \beta_1 \ln std_j + \beta_2 \ln cfm_j + \beta_3 \ln metl_j + \beta_4 \ln acd_j + \beta_5 \ln dist_{ij} + \beta_6 rta_{ij} + \beta_4 contig_{ij} + \beta_5 contig_{ij} + \varepsilon \quad (3)$$

Phương trình kết quả:

$$\ln(\text{ex} | Z_{ijk} = 1) = \beta_0 + \beta_1 \ln \text{std}_j + \beta_2 \ln \text{ncfm}_j + \beta_3 \ln \text{metl}_j + \beta_4 \ln \text{acd}_j + \beta_5 \ln \text{dist}_{ij} + \beta_6 \text{rta}_{ij} + \beta_7 \text{comcol}_{ij} + \varepsilon \quad (4)$$

Trong đó biến phụ thuộc trong phương trình lựa chọn là xác suất để xuất khẩu đối với sản phẩm k (mã sản phẩm ở cấp độ HS6 số) từ Việt Nam (quốc gia i) sang quốc gia đối tác (j). Biến phụ thuộc 'ex' trong phương trình kết quả là giá trị xuất khẩu đối với sản phẩm k giữa Việt Nam và nước đối tác j (bao gồm 90 nước đối tác).

Tập hợp các biến độc lập thuộc hai phương trình bao gồm: chỉ số tổng hợp cơ sở hạ tầng chất lượng (*qisd*) bao gồm 4 nhân tố như: tiêu chuẩn hoá (*std*), đánh giá sự phù hợp (*cfm*), đo lường (*metl*), chứng nhận (*acd*); khoảng cách địa lý giữa hai nước (*dist_{ij}*); hiệp định thương mại tự do song phương hoặc khu vực giữa hai nước (*rta_{ij}*); đặc điểm giữa cặp quốc gia như đường biên giới chung (*contig_{ij}*), quan hệ thuộc địa trong lịch sử (*comcol_{ij}*). Để kiểm tra sự phù hợp của mô hình, tỷ số Mills nghịch đảo có ý nghĩa thống kê, phản ánh sự phụ thuộc của hai phương trình lựa chọn và phương trình kết quả.

3.3. Số liệu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng số liệu giá trị thương mại song phương giữa Việt Nam và 90 nước đối tác thương mại năm 2021 ở cấp độ sản phẩm HS6, với tổng 385560 quan sát. Số liệu thương mại được trích xuất từ cơ sở dữ liệu của CEPII. Cơ sở hạ tầng chất lượng được sử dụng từ chỉ số cơ sở hạ tầng chất lượng của UNIDO (2022), với phiên bản cập nhật QI4SD trong đó đo lường mức độ sẵn sàng và hiệu quả của cơ sở hạ tầng chất lượng gắn với các mục tiêu phát triển bền vững trích xuất từ nguồn số liệu tại website <https://hub.unido.org/qi4sd/sdg>. Chỉ số QI4SD sử dụng phương pháp min-max, hay đo lường chỉ số trong khoảng [1,100] cụ thể:

$$x_i = 1 + \frac{x_i - \min(x_i)}{\max(x_i) - \min(x_i)} \times 99$$

Bảng 1: Mô tả dữ liệu

	Số quan sát	Trung bình	Phân phối chuẩn	Min	Max
Lnqisd	376992	3.508.729	0,5904276	1.916.923	4.472.438
Lnstd	376992	3.694.159	0,4374001	270.538	4.488.524
Lncfm	376992	1.755.099	1,37885	0	4.337.552
Lnmetl	376992	2.945.679	1,24032	0	4.516.994
Lnacd	376992	3.016.628	1,96501	0	4.588.532
Lndist	385560	8.892.944	0,7920433	5.351.858	9.883.489
Rta	385560	0,4222222	0,4939142	0	1
Contig	385560	0,0222222	0,1474057	0	1
Comcol	385560	0,1	0,3000004	0	1
v	385560	5.379.102	31087,43	0	1.58e+07
ex	385560	2.026.028	28244,1	0	1.50e+07

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định cơ bản

Bảng 2 cho thấy kết quả kiểm định của phương trình lựa chọn (Cột 1) và phương trình kết quả (Cột 2) tương ứng với khả năng gia nhập thị trường và khả năng mở rộng quy mô xuất khẩu. Trong đó, hệ số mills (*lambda*) có ý nghĩa thống kê cao, phản ánh hai phương trình phụ thuộc lẫn nhau và có sự tồn tại của sai lệch chọn mẫu, do đó mô hình Heckman cho tập dữ liệu là phù hợp.

Về khả năng gia nhập thị trường (Cột 1), xác suất tham gia thị trường của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có tương quan thuận chiều với hạ tầng chất lượng (*qisd*) và hội nhập quốc tế (*rta*). Trong đó, hạ tầng chất lượng của nước đối tác (*qisd*) có tác động tích cực với hệ số (0,399) tại mức ý nghĩa 1%. Nói cách khác,

cơ sở hạ tầng chất lượng là yếu tố thúc đẩy khả năng tiếp cận thị trường của Việt Nam và ngược lại. Xét về khả năng mở rộng quy mô thương mại, hạ tầng chất lượng duy trì tác động tích cực với giá trị xuất khẩu, kết quả này cũng đồng nhất với các nghiên cứu trước. Khi chỉ số hạ tầng chất lượng được cải thiện 1% thì giá trị xuất khẩu sẽ tăng lên 2,148%. Ngoài ra, tác động của hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam (*rta*) và các quốc gia có chung biên giới (*contig*) cũng có tác động dương với mức ý nghĩa 1%.

Kết quả tổng thể cho thấy hạ tầng chất lượng phát triển tạo ra tác động thúc đẩy đồng thời khả năng gia nhập thị trường và quy mô xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam. Bởi lẽ, cơ sở hạ tầng chất lượng phát triển sẽ cải thiện tính hiệu quả, minh bạch và tin cậy của các tiêu chuẩn, đo lường và hoạt động kiểm định chứng nhận. Từ đó, hàng hoá xuất khẩu đáp ứng được hệ thống chất lượng của thị trường sẽ giúp gia tăng sự tin tưởng từ phía người tiêu dùng và thúc đẩy cầu. Đáng chú ý, mặc dù việc đáp ứng đem lại các chi phí tuân thủ như các nghiên cứu trước đây chỉ ra, nhưng động lực từ phía cầu lớn hơn lực cản trở từ phía cung và tạo ra tác động tích cực trong hoạt động xuất khẩu cả về khả năng tiếp cận và quy mô xuất khẩu. Kết quả này tương đồng với báo cáo nghiên cứu về tác động của cơ sở hạ tầng chất lượng của UNIDO (2022) cũng như nghiên cứu của Chen & cộng sự (2008). Hơn nữa, nghiên cứu đưa ra giả thiết tác động tích cực của hệ thống hạ tầng chất lượng đến hoạt động xuất khẩu Việt Nam có thể xuất phát từ cam kết hội nhập khu vực giữa Việt Nam và nước đối tác. Do đó, kết quả tại cột (3),(4) của Bảng 2 minh chứng cho giả thiết về tác động điều tiết của hội nhập khu vực đến mối tương quan giữa hạ tầng chất lượng và xuất khẩu ở hai cấp độ. Nói cách khác, các nước đối tác có thoả thuận khu vực hoặc song phương với Việt Nam có hệ thống hạ tầng chất lượng tạo thuận lợi cho xuất khẩu của Việt Nam.

Bảng 2: Kết quả kiểm định cơ bản

	(1)	(2)	(3)	(4)
lnqisd	0.399***	2.148***	0.400***	1.698***
	(31.65)	(4.60)	(29.51)	(4.31)
lnqsid*rta			0.0383***	0.247***
			(11.48)	(4.18)
rta	0.188***	1.248***		
	(15.12)	(4.08)		
lndist	-0.0226***	-0.160*	-0.0330***	-0.163*
	(-3.34)	(-2.34)	(-4.95)	(-2.23)
contig	2.005***	8.759***	2.010***	7.194***
	(94.60)	(3.64)	(94.91)	(3.37)
comcol	-0.0232		-0.0110	
	(-1.03)		(-0.50)	
_cons	-3.477***	-15.86**	-3.367***	-11.43*
	(-55.64)	(-2.93)	(-53.99)	(-2.51)
lambda		5.178***		4.135**
		(3.31)		(2.99)
N	10420	366572	10420	366572
Ghi chú:	Cột (1) – Phương trình lựa chọn (khả năng gia nhập thị trường) với biến độc lập ($z=0 1$)			
	Cột (2) – Phương trình kết quả (Mở rộng quy mô xuất khẩu) với biến độc lập (lnex) là giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường đối tác với cấp độ hàng hoá (HS6)			

4.2. Kết quả kiểm định theo tiêu chí

Nhằm làm rõ hơn vai trò của từng tiêu chí trong hạ tầng chất lượng bao gồm: tiêu chuẩn hoá (*std*); đánh giá sự phù hợp (*cfm*), đo lường (*metl*), chứng nhận (*acd*), Bảng 3 cho thấy kết quả tác động theo từng tiêu chí ở hai cấp độ thương mại. Hầu hết các tiêu chí của cơ sở hạ tầng chất lượng (ngoại trừ các tiêu chuẩn ‘std’) đều tác động thúc đẩy hoạt động xuất khẩu. Tác động của các biến này đến khả năng gia nhập và mở rộng quy mô thị trường đều dương ở mức ý nghĩa cao 1%. Điều này cho thấy, cùng với sự thúc đẩy thương mại từ hội nhập khu vực và quốc tế ‘rta’, hạ tầng chất lượng trên các khía cạnh: đo lường (*metl*), chứng nhận quốc

té (*acd*) đều tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ở cả hai cấp độ. Trong khi, đánh giá sự phù hợp (*cfm*) chỉ tạo tác động dương tại cấp độ gia nhập thị trường, hay chỉ có ý nghĩa trong quá trình thông quan hàng hoá tại biên giới. Tuy nhiên, tiêu chuẩn (*std*) tác động cản trở với hệ số lớn nhất tại phương trình lựa chọn (0,756) và phương trình kết quả (-6,796). Điều này phản ánh các tiêu chuẩn của nước đối tác là thách thức rất lớn đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi tham gia thị trường. Việc đáp ứng tiêu chuẩn của nước đối tác sẽ làm gia tăng chi phí tuân thủ từ đó giảm quy mô xuất khẩu sau khi gia nhập (García-Quevedo & cộng sự, 2020; Nguyen & Jolly, 2020).

4.3. Kết quả kiểm định theo ngành hàng

Bảng 3: Tác động của các tiêu chí đánh giá cơ sở hạ tầng chất lượng đến xuất nhập khẩu Việt Nam

	Phương trình lựa chọn (1)	Phương trình kết quả (2)
lnstd	-0.756*** (-22.37)	-6.796*** (-5.14)
lncfm	0.0678*** (8.10)	-0.0177 (-0.16)
lnmetl	0.725*** (41.32)	5.007*** (5.35)
lnacd	0.0782*** (14.71)	0.909*** (6.79)
rta	0.235*** (18.11)	2.232*** (6.63)
lnDIST	-0.252*** (-46.44)	-1.091*** (-3.60)
contig		2.520*** (11.96)
comcol	0.531*** (21.07)	
_cons	0.0118 (0.12)	2.322 (1.62)
lambda		6.444*** (5.10)
N	366572	10420

Hạ tầng chất lượng là hệ thống tổng thể nhằm kiểm soát chất lượng hàng hoá đưa vào lưu thông, trong đó, các tiêu chí của hạ tầng chất lượng được áp dụng riêng biệt theo từng ngành hàng. Hay nói cách khác, mỗi ngành hàng có hệ thống các tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu đánh giá tác động khác biệt của hạ tầng chất lượng đến hoạt động xuất khẩu theo các mặt hàng cụ thể: hàng nông sản '*agproduct*', hàng hoá chất '*chemical*', hàng dệt may '*textile*', hàng máy móc '*machinery*', hàng kim loại '*metal*' và hàng đồ gỗ nội thất '*furniture*'. Kết quả tác động các mặt hàng trên biểu diễn tương ứng từ cột (1)-(6) Bảng 4 và theo cấp độ tiếp cận (cột a) và mở rộng quy mô (cột b). Trong đó, nhóm hàng nông sản, hoá chất và kim loại đều có tương quan nghịch với hạ tầng chất lượng. Điều này phản ánh hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm trên càng chặt chẽ càng khó khăn cho doanh nghiệp gia nhập thị trường. Bởi lẽ, các sản phẩm này đều có nguồn gốc tự nhiên, hoặc liên hệ mật thiết với môi trường do đó việc kiểm soát chặt chẽ bằng các công cụ thuộc hạ tầng chất lượng là điều rất phù hợp. Tuy vậy, khi đã tuân thủ được hệ thống trên, các sản phẩm nông sản có thể gia tăng được giá trị xuất khẩu tại các thị trường này (với hệ số dương 0,0695). Đồng thời, hạ tầng chất lượng tạo thuận lợi gia nhập thị trường đối với các nhóm hàng dệt may, máy móc thiết bị và đồ gỗ nội thất với hệ số tương quan dương ở mức ý nghĩa 1%. Xét ở cấp độ quy mô xuất khẩu, đáng chú ý là tác động thúc đẩy xuất khẩu đối với nhóm hàng đồ gỗ nội thất với hệ số tương quan 0,194, trong khi hầu hết tác động đến các nhóm hàng còn lại là không đáng kể.

5. Kiến nghị

Bài viết đã khẳng định vai trò của hạ tầng chất lượng đối với thương mại, cụ thể đối với khả năng tiếp cận thị trường và quy mô xuất khẩu Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy hạ tầng chất lượng thúc đẩy xuất

Bảng 4: Tác động của cơ sở hạ tầng chất lượng đến xuất khẩu Việt Nam theo phân ngành

	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)	
	(a)	(b)	(a)	(b)	(a)	(b)	(a)	(b)	(a)	(b)	(a)	(b)
Inqisd	0.403*** (31.94)	0.537*** (4.70)	0.406*** (32.12)	0.562*** (4.91)	0.392*** (31.07)	0.535*** (4.71)	0.395*** (31.29)	0.564*** (4.95)	0.401*** (31.77)	0.552*** (4.83)	0.398*** (31.52)	0.559*** (4.91)
Inqisd*agproduct	-0.0364*** (-8.66)	0.0695*** (2.90)										
Inqisd*chemical		-0.0924*** (-16.64)		-0.0350 (-1.05)								
Inqisd*textile					0.0458*** (13.43)	0.0473* (2.56)						
Inqisd*machinery							0.0212*** (6.42)	-0.0503** (-2.78)	-0.0239*** (-4.87)	0.0502 (1.84)		
Inqisd*metal												
Inqisd*furniture												
rta	0.189*** (15.17)	0.139 (1.71)	0.186*** (14.91)	0.145 (1.79)	0.188*** (15.07)	0.147 (1.81)	0.188*** (15.13)	0.149 (1.83)	0.188*** (15.13)	0.150 (1.85)	0.126*** (12.08)	0.194*** (3.73)
Indist	-0.0223*** (-3.30)	-0.0509 (-0.78)	-0.0234*** (-3.46)	-0.0643 (-0.99)	-0.0223*** (-3.30)	-0.0526 (-0.81)	-0.0226*** (-3.34)	-0.0567 (-0.87)	-0.0226*** (-3.34)	-0.0572 (-0.88)	-0.0229*** (-3.39)	-0.0626 (-0.97)
comcol	-0.0233 (-1.03)		-0.0259 (-1.15)		-0.0234 (-1.04)		-0.0235 (-1.04)		-0.0232 (-1.03)		-0.0241 (-1.07)	
contigt	2.008*** (94.59)		2.015*** (94.65)		2.011*** (94.61)		2.006*** (94.60)		2.006*** (94.61)		2.008*** (94.62)	
_cons	-3.481*** (-55.65)	3.724*** (19.80)	-3.471*** (-55.41)	3.736*** (19.82)	-3.483*** (-55.64)	3.724*** (19.83)	-3.477*** (-55.62)	3.704*** (19.71)	-3.477*** (-55.63)	3.697*** (19.66)	-3.475*** (-55.56)	3.725*** (19.83)
mills		-0.539*** (-6.24)		-0.522*** (-6.06)		-0.534*** (-6.20)		-0.527*** (-6.10)		-0.525*** (-6.08)		-0.527*** (-6.12)
lambda												

khẩu cả về khả năng tham gia thị trường và phát triển quy mô xuất khẩu. Trong đó, các khía cạnh của hạ tầng chất lượng bao gồm: đo lường, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận đều góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn quốc tế là nhân tố cản trở lớn nhất đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam do khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn chưa cao hoặc gánh nặng chi phí tuân thủ các tiêu chuẩn này. Hơn nữa, kết quả tác động của hạ tầng chất lượng khác biệt giữa các ngành hàng, chủ yếu ở cấp độ gia nhập thị trường. Các mặt hàng nông sản, kim loại, hoá chất thường gặp thách thức lớn trong việc tuân thủ hệ thống hạ tầng chất lượng tại biên giới. Ngược lại, các sản phẩm công nghiệp như dệt may, máy móc thiết bị và đồ nội thất được tạo thuận lợi đáng kể trong hoạt động xuất khẩu.

Từ góc độ chính sách, hệ thống kiểm soát chất lượng cần được quan tâm và phát triển theo chiến lược tổng thể nhằm đạt các mục tiêu phát triển bền vững và mang tính bao trùm. Tại một số nước phát triển như Liên minh Châu Âu đã xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hoá. Trong tuyên bố gần đây của Ủy ban Châu Âu (2022) nêu rõ “Tham vọng của EU hướng tới một môi trường tự nhiên, nền kinh tế tuần hoàn và bền vững sẽ không thể thực hiện được nếu không có các tiêu chuẩn Châu Âu liên quan đến các phương pháp thử nghiệm, hệ thống quản lý hoặc các giải pháp tương tác”. Từ phía Việt Nam, chiến lược đa dạng

hoá thị trường thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại tự do đã tạo ra tác động thúc đẩy thương mại mạnh mẽ, cũng như đóng vai trò xúc tác tạo thuận lợi cho hạ tầng chất lượng phát triển. Trong những năm gần đây, hạ tầng chất lượng Việt Nam đã được cải thiện bằng việc ban hành khung pháp lý quan trọng bao gồm: Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật đo lường.

Tuy vậy, cơ sở hạ tầng chất lượng Việt Nam vẫn còn tồn tại khoảng cách so với các nước phát triển, đặc biệt là trình độ kỹ thuật và năng lực quản lý. Việc phát triển hạ tầng chất lượng sẽ giúp nâng cao khả năng tuân thủ của doanh nghiệp xuất khẩu, từ đó dễ dàng tiếp cận thị trường và gia tăng quy mô xuất khẩu. Do đó, chính phủ cần chú trọng và quan tâm đến việc phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia. Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn, đo lường, chứng nhận và đánh giá sự phù hợp, trong đó chú trọng sự tương thích và hài hoà giữa tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn quốc tế. Thứ hai, nâng cao năng lực kỹ thuật của các tổ chức kiểm định, giám định, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng sản phẩm, cũng như năng lực của các kiểm định viên trong lĩnh vực đo lường chất lượng. Bên cạnh đó, đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại kịp thời đáp ứng nhu cầu chứng nhận hàng hoá xuất khẩu ngày càng gia tăng, cũng như đảm bảo một tiêu chuẩn, một đánh giá và được chấp nhận ở tất cả các thị trường quốc tế. Điều này sẽ hỗ trợ giảm thiểu các chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp xuất khẩu. Thứ ba, gia tăng tính liên kết đồng bộ, chặt chẽ giữa hoạt động tiêu chuẩn hoá, đo lường, chứng nhận và đánh giá sự phù hợp. Cuối cùng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến thực hành sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù, tiêu chuẩn quốc tế chỉ mang tính tự nguyện nhưng tính công nhận cao và phổ biến tại hầu hết các thị trường đối tác lớn. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi đáp ứng tốt các tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp phát triển quy mô thương mại trong dài hạn, cũng như mở rộng nhiều cơ hội tiếp cận thị trường khác, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Albarran, P., Carrasco, R., & Holl, A. (2013), 'Domestic transport infrastructure and firms' export market participation', *Small Business Economics*, 40(4), 879–898. DOI: <https://doi.org/10.1007/s11187-011-9393-9>
- Anders, S. M., & Caswell, J. A. (2009), 'Standards as barriers versus standards as catalysts: Assessing the impact of HACCP implementation on U.S. seafood imports', *American Journal of Agricultural Economics*, 91(2), 310–321.
- Aswal, D. K. (2020), 'Quality Infrastructure of India and Its Importance for Inclusive National Growth', *MAPAN*, 35(2), 139–150. DOI: <https://doi.org/10.1007/s12647-020-00376-3>.
- Beghin, J. C., Maertens, M., & Swinnen, J. (2015), 'Nontariff Measures and Standards in Trade and Global Value Chains', *Annual Review of Resource Economics*, 7(1), 425–450. DOI: <https://doi.org/10.1146/annurev-resource-100814-124917>.
- Blind, K., Mangelsdorf, A., & Pohlisch, J. (2018), 'The effects of cooperation in accreditation on international trade: Empirical evidence on ISO 9000 certifications', *International Journal of Production Economics*, 198, 50–59. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.ijpe.2018.01.033>.
- Chaney, T. (2008), 'Distorted Gravity: The Intensive and Extensive Margins of International Trade', *American Economic Review*, 98(4), 1707–1721. DOI: <https://doi.org/10.1257/aer.98.4.1707>.
- Chen, M. X., Wilson, J. S., & Otsuki, T. (2008), 'Standards and export decisions: Firm-level evidence from developing countries', *The Journal of International Trade & Economic Development*, 17(4), 501–523. DOI: <https://doi.org/10.1080/09638190802250027>.
- Demissie, M., Tsegaye, D., Beshah, B., & Ebinger, F. (2021), 'Quality infrastructure services capability assessment in the coffee value chain', *International Journal of Quality and Innovation*, 5(2), 158–180. DOI: <https://doi.org/10.1504/IJQI.2021.117189>.
- Disdier, A.-C., & Marette, S. (2010), 'The Combination of Gravity and Welfare Approaches for Evaluating Nontariff Measures', *American Journal of Agricultural Economics*, 92(3), 713–726. DOI: <https://doi.org/10.1093/ajae/aaq026>.
- García-Quevedo, J., Kesidou, E., & Martínez-Ros, E. (2020), 'Driving sectoral sustainability via the diffusion of

-
- organizational eco-innovations', *Business Strategy and the Environment*, 29(3), 1437–1447. DOI: <https://doi.org/10.1002/bse.2443>.
- Kareem, F. O., & Martínez-Zarzoso, I. (2020), 'Are EU standards detrimental to Africa's exports?', *Journal of Policy Modeling*, 42(5), 1022–1037. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jpolmod.2020.04.006>.
- Kellermann, M., & Keller, D. P. (2015), *Leveraging the Impact of Business Environment Reform: The Contribution of Quality Infrastructure Lessons from Practice*, retrieved on July 23th 2024, from <https://www.unido.org/sites/default/files/2016-08/DCED_QI_Best_Practices_Working_Paper_ENG_0.pdf>.
- Kiefer, C. P., Del Río González, P., & Carrillo-Hermosilla, J. (2019), 'Drivers and barriers of eco-innovation types for sustainable transitions: A quantitative perspective', *Business Strategy and the Environment*, 28(1), 155–172. DOI: <https://doi.org/10.1002/bse.2246>.
- Melitz, M. J. (2003), 'The Impact of Trade on Intra-Industry Reallocations and Aggregate Industry Productivity', *Econometrica*, 71(6), 1695–1725. DOI: <https://doi.org/10.1111/1468-0262.00467>.
- Moenius, J. (2004), 'Information Versus Product Adaptation: The Role of Standards in Trade', SSRN Scholarly Paper No. 608022. DOI: <https://doi.org/10.2139/ssrn.608022>.
- Nguyen, T. A. T., & Jolly, C. M. (2020), 'Global value chain and food safety and quality standards of Vietnam pangasius exports', *Aquaculture Reports*, 16, 100256. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.aqrep.2019.100256>.
- Portugal-Perez, A., & Wilson, J. S. (2012), 'Export Performance and Trade Facilitation Reform: Hard and Soft Infrastructure', *World Development*, 40(7), 1295–1307. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2011.12.002>.
- Schmidt, J., & Steingress, W. (2022), 'No double standards: Quantifying the impact of standard harmonization on trade', *Journal of International Economics*, 137, 103619. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jinteco.2022.103619>.
- Swann, G. M. P. (2010), 'International Standards and Trade: A Review of the Empirical Literature', OECD Trade Policy Papers No. 97, OECD Publishing.
- UNIDO (2022), *Quality Infrastructure for Sustainable Development Report: Supporting Sustainable Development Goals with Quality Infrastructure*, Austria.
- UNIDO (2023), *Báo cáo phân tích tình hình tuân thủ tiêu chuẩn: Từ chối nhập khẩu tại cửa khẩu của một số thị trường chính*, Austria.
- Yadav, B. K. (2024), 'Impact of Regulation and Conformity Assessment Procedures on Global Trade', In Bhatnagar, A., Yadav, S., Achanta, V., Harmes-Liedtke, U. & Rab, S. (Eds.), *Handbook of Quality System, Accreditation and Conformity Assessment*, 1–21, Springer Nature. DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-99-4637-2_14-1.
- Zhang, H., Deng, T., Wu, L., Ma, C., Zhang, G., & Zhang, L. (2024), 'Benefit Assessment of Standardization in Industrial Upgrading Based on Value Chain Methodology', Proceedings of the 5th Management Science Informatization and Economic Innovation Development Conference, MSIEID 2023, December 8–10, 2023, Guangzhou, China. DOI: <https://eudl.eu/doi/10.4108/eai.8-12-2023.2344780>.